

## LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

### QUYỂN 169

#### LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 4)

Hỏi: Có thể có thành tựu Vị tương ứng của bốn Tĩnh lực, không phải là Tĩnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Dục chưa hết, bởi vì lúc ấy đối với pháp thiện vốn có của bốn Tĩnh lực đều chưa đạt được, cho nên không có Tĩnh-Vô lậu, chính vì điều này cho nên thành tựu Vị tương ứng của bốn Tĩnh lực.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tĩnh của bốn Tĩnh lực, không phải là Vị tương ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Bởi vì dị sinh cho nên không có Vô lậu, bởi vì Ái cõi Sắc đã hết cho nên không có Vị tương ứng. Bởi vì sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết, cho nên thành tựu Tĩnh của bốn Tĩnh lực.

Hỏi: Có thể có thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lực, không phải là Vị tương ứng, không phải là Tĩnh chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Bởi vì Thánh giả sinh ở cõi ấy cho nên thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lực, chính vì sinh ở cõi ấy cho nên không có Vị tương ứng-Tĩnh.

Hỏi: Nếu Ái cõi Sắc đã hết dựa vào Định Vị chí, Tĩnh lực thứ nhất, Tĩnh lực trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, hoặc là luyện căn làm Kiến chí, lúc ấy đạt được quả rồi không khởi lên đạo của quả thù thắng, mạng chung sinh vào cõi Vô sắc, lúc ấy đều không thành tựu Vô lậu của ba Tĩnh lực trên, vì sao nói là bốn?

Đáp: Có người nói: Bởi vì đây là dựa vào người từ từ đạt được quả mà nói, chứ không dựa vào điều gì khác.

Có người nói: Người ấy tiến vào Chánh tánh ly sinh đạt được quả Bất hoàn rồi, chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng mà tu Vô lậu

của bốn Tĩnh lực, sau đó mới sinh lên địa trên. Nếu không như vậy thì phải có Thánh giả sinh đến cõi Quảng Quả trở lên sẽ không thành tựu Lạc căn. Nếu như vậy thì trái với phần Thập Môn đã nói về Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí.

Có người nói: Lúc ấy đạt được quả rồi cũng chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng mà tu Vô lậu của bốn Tĩnh lực, sau đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Có người nói: Lúc ấy luyện căn thì cũng tu Vô lậu của Tĩnh lực trên, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Nếu Ái cõi Sắc đã hết, dựa vào Định Vị chí, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì trong mười lăm tâm không thành tựu Vô lậu của Tĩnh lực, đến Đạo loại trí chỉ thành tựu một, ngay lúc ấy cho đến dựa vào Tĩnh lực thứ ba tiến vào Chánh tánh ly sinh, trong mười sáu tâm chỉ thành tựu ba, vì sao nói là bốn?

Đáp: Có người nói: Trong này dựa vào người từ từ đạt được quả lìa nhiễm mà nói.

Có người nói: Lúc ấy đạt được quả rồi không bao lâu chắc chắn khởi lên đạo của quả thù thắng hiện rõ trước mắt mà tu Vô lậu của Tĩnh lực trên, vì vậy đối với thời gian mười sáu tâm tuy chưa thành tựu, mà chắc chắn sẽ đạt được cho nên cũng nói đến thành tựu.

Hỏi: Có thể có thành tựu hai hoặc ba Tĩnh lực khác chăng?

Đáp: Không có, đó là bởi vì thành tựu Vị tương ứng của bốn Tĩnh lực, thì chắc chắn không thành tựu bốn Tịnh-bốn Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ứng của bốn Tĩnh lực, chứ không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Câu này giải thích như câu thứ sáu trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh của bốn Tĩnh lực, chứ không phải là Vị tương ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vô lậu của bốn Tĩnh lực, chứ không phải là Vị tương ứng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Không có. Hai câu này giải thích như câu thứ tư-thứ năm vốn

không có trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ứng-Tịnh của bốn Tĩnh lực, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Câu này giải thích như câu thứ ba trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ứng-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, chứ không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục-Phạm Thế, Ái cõi Sắc đã hết. Câu này giải thích như câu thứ hai trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Dục chưa hết. Câu này giải thích như câu thứ nhất trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ứng-Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực chăng?

Đáp: Có, đó là dị sinh sinh ở cõi Vô sắc. Bởi vì dị sinh cho nên không có Vô lậu của bốn Tĩnh lực, bởi vì sinh ở cõi Vô sắc cho nên không có Vị-Tịnh của bốn Tĩnh lực.

Hỏi: Có thể có thành tựu Vị tương ứng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Sắc chưa hết, bởi vì lúc ấy đối với pháp thiện vốn có của bốn Vô sắc đều chưa đạt được, cho nên không có Tịnh-Vô lậu, chính vì điều này cho nên thành tựu Vị tương ứng của bốn Vô sắc.

Hỏi: Có thể có thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc và Không vô biên xứ. A-la-hán cho nên không có Vị tương ứng, sinh ở địa ấy cho nên thành tựu đầy đủ bốn Tịnh-ba Vô lậu.

Hỏi: Có thể có thành tựu pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ thành tựu bốn Tịnh, bởi vì chắc chắn có Vô lậu-Vị tùy theo một, hoặc là cả hai; không có câu thứ ba, chỉ thành tựu ba Vô lậu, bởi vì chắc chắn có Tịnh; không có câu thứ tư, thành tựu bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, và không có câu thứ năm, thành tựu bốn Vị- ba Vô lậu chứ không phải là Tịnh, bởi vì lúc thành tựu bốn Vị thì chắc chắn không thành tựu bốn Tịnh hoặc là ba Vô lậu. Chính vì nghĩa này, cho nên không có câu thứ bảy.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Vị tương ứng của bốn Vô sắc, chứ không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc và Không vô biên xứ. Câu này giải thích như câu thứ sáu trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là Ái cõi Sắc chưa hết. Câu này giải thích như câu thứ nhất trong phần thành tựu trước đây.

Hỏi: Có thể có lúc không thành tựu pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có chỉ riêng không thành tựu bốn Tịnh, bởi vì lúc ấy chắc chắn cũng không thành tựu Vô lậu. Không có chỉ riêng không thành tựu ba Vô lậu, giải thích như câu thứ tư vốn không có trong phần thành tựu. Không có không thành tựu bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, giải thích như câu thứ ba vốn không có trong phần thành tựu. Không có không thành tựu bốn Vị- ba Vô lậu chứ không phải là Tịnh, giải thích như câu thứ hai vốn không có trong phần thành tựu. Không có tất cả đều không thành tựu, bởi vì ở trong ba tùy theo một hoặc là hai cho nên chắc chắn thành tựu.

Ở trong thành tựu-không thành tựu của Tĩnh lực-Vô sắc này, đầy đủ thành tựu thì gọi là thành tựu, đầy đủ không thành tựu thì gọi là không phải thành tựu, và đầy đủ không thành tựu thì gọi là không thành tựu, đầy đủ thành tựu thì gọi là không phải không thành tựu, nên biết.

Hỏi: Có thể có đạt được(đắc) Vị tương ứng của bốn Tĩnh lực, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Ái cõi Sắc đã hết, khởi lên Thiền của cõi Dục mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục.

Trong này, lui sụt là bao gồm dị sinh và Thánh giả, hoặc là Học hay là Vô học lúc khởi lên Thiền của cõi ấy, đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu. Sinh vào là chỉ riêng dị sinh ở lúc tiến vào thai(kiết sinh), đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu.

Hỏi: Có thể có đạt được Vô lậu của bốn Tĩnh lực, chứ không phải là Vị tương ứng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dựa vào Tĩnh lực thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, hoặc là lúc đạt được quả A-la-hán.

Trong này, lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là lúc Khổ pháp nhãn khởi lên, lúc bấy giờ Vô lậu của bốn Tĩnh lực trước đây không có, mà đạt được không phải là Vị, không phải là Tịnh. Lúc đạt được quả

A-la-hán, đó là lúc Tận trí khởi lên, lúc bấy giờ Vô lậu của bốn Tĩnh lự đều xả bỏ, mà đạt được không phải là Vị, không phải là Tịnh. Tuy là Tịnh của bốn Tĩnh lự, lúc bấy giờ cũng có đạt được, nhưng chủng loại ấy trước đây có mà không xả bỏ, nay chỉ trở lại đạt được phần ít, đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự không có đạt được một tên gọi, huống là bốn hay sao?

Có người nói: Đây là dựa vào người sinh ở cõi Vô sắc đạt được quả A-la-hán mà nói.

Hỏi: Học luyện căn thì cũng có lúc đối với Vô lậu của bốn Tĩnh lự đều xả bỏ mà đạt được, vì sao không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này sơ lược nêu ra phần đầu và sau để hiển bày phần giữa, cho nên không nói đầy đủ.

Có người nói: Lúc ấy đã xả bỏ-đã đạt được đều là chủng loại của Học, không phải là chủng loại sai biệt, cho nên không nói đến, vì vậy cũng không nói đến Vô học luyện căn.

Hỏi: Có thể có đạt được pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ đạt được bốn Tịnh, và không có câu thứ sáu, đạt được bốn Tịnh-Vô lậu chứ không phải là Vị, bởi vì không có cùng lúc đạt được bốn Tịnh.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ tư Kiến đạo là lúc ba Loại trí, và lúc đạt được quả A-la-hán, lẽ nào không phải là đạt được đầy đủ bốn Tịnh và Vô lậu hay sao, vì sao không nói?

Đáp: Vào lúc bấy giờ đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự đều là trước đạt được không xả bỏ, nay tuy trở lại đạt được phần ít, mà vẫn đối với Tịnh của bốn Tĩnh lự không có đạt được một tên gọi, huống là bốn hay sao? Vì vậy không nói đến.

Không có câu thứ tư, đạt được bốn Vị-Tịnh chứ không phải là Vô lậu, và không có câu thứ năm, đạt được bốn Vị-Vô lậu chứ không phải là Tịnh, bởi vì lúc đạt được bốn Vị thì chắc chắn không đạt được bốn Tịnh hoặc là bốn Vô lậu. Chính vì nghĩa này, cho nên cũng không có câu thứ bảy.

Hỏi: Có thể có xả bỏ(xả) Vị tương ứng của bốn Tĩnh lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có cùng lúc lìa nhiễm của bốn địa.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương

ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt; hoặc là lúc ở cõi Dục-Phạm Thế chết đi sinh vào cõi Vô sắc. Trong này, sinh vào cõi Vô sắc bao gồm dị sinh và Thánh giả.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ xả bỏ bốn Vô lậu, bởi vì lúc lui sụt xả bỏ, hoặc không phải là hoàn toàn xả bỏ, hoặc lúc ấy trở lại đạt được, hoặc bao gồm xả bỏ Tịnh, đạt được quả lúc xả bỏ vẫn trở lại đạt được. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì không có cùng lúc đoạn dứt bốn Vị.

Hỏi: Có thể có đạt được Vị tương ứng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt, lúc bấy giờ đạt được đầy đủ bốn Vị chứ không phải là Tịnh-Vô lậu.

Hỏi: Có thể có đạt được Vô lậu của ba Vô sắc, chứ không phải là Vị tương ứng, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán. Giải thích như trong phần Tĩnh lự trước.

Hỏi: Có thể có đạt được pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ hai, chỉ đạt được bốn Tịnh, bởi vì không có cùng lúc đạt được bốn Tịnh. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì lúc đạt được bốn Vị thì chắc chắn không đạt được bốn Tịnh-ba Vô lậu. Không có câu thứ sáu, đạt được bốn Tịnh-ba Vô lậu chứ không phải là Vị tương ứng, bởi vì vào lúc đạt được ba Vô lậu, tuy cũng đạt được phần ít của Tịnh, mà không gọi là đạt được. Giải thích đầy đủ như trước.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Vị tương ứng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có cùng lúc lìa nhiễm của bốn địa.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả bỏ pháp khác chăng? Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ xả bỏ ba Vô lậu, nói như trong phần Tĩn lự. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì không có cùng lúc đoạn dứt bốn Vị.

Ở trong đạt được và xả bỏ của Tĩn lự-Vô sắc này, hoàn toàn đạt được thì gọi là đạt được, hoàn toàn không đạt được thì gọi là không phải đạt được, hoàn toàn xả bỏ thì gọi là xả bỏ, hoàn toàn không xả bỏ thì gọi là không phải xả bỏ, nên biết.

Hỏi: Có thể có lui sụt(thối) Vị tương ứng của bốn Tĩn lự, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, bởi vì có lui sụt đối với pháp công đức chứ không phải là đối với pháp sai lầm, cũng bởi vì không có cùng lúc xả bỏ bốn Vị.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh của bốn Tĩn lự, không phải là Vị tương ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩn lự, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của cõi Biến Tịnh, khởi lên Triền của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ lui sụt Vô lậu của bốn Tĩn lự, hoặc là lui sụt cùng với Tịnh, hoặc là không hoàn toàn lui sụt, hoặc là lúc lui sụt trở lại đạt được địa ấy. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, bởi vì đối với Vị không có lui sụt, không có chỉ lui sụt bốn Vô lậu.

Hỏi: Có thể có lui sụt Vị tương ứng của bốn Vô sắc, không phải là Tịnh, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Không có, nói như trước.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng, không phải là Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc dị sinh đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt Tịnh-Vô lậu của bốn Vô sắc, không phải là Vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã hết Ái của Vô sở hữu xứ, khởi lên Triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Trong này, không có câu thứ ba, chỉ lui sụt Vô lậu của ba Vô sắc, hoặc là lui sụt cùng với Tịnh, hoặc là không phải hoàn toàn lui sụt. Không có câu thứ tư-thứ năm-thứ bảy, nói như trong phần Tĩnh lực.

Hỏi: Có thể có lui sụt Vô lậu của Tĩnh lực, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc người Học khởi lên Triền cõi Vô sắc mà lui sụt, bởi vì lúc bấy giờ lui sụt pháp đối trị với Vô lậu của Tĩnh lực, chứ không phải là Tịnh.

Hỏi: Có thể có lúc không khởi lên Triền cõi Vô sắc, mà lui sụt Vô lậu của Tĩnh lực, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Vô học luyện căn chưa đến phần vị của đạo giải thoát thứ chín, không khởi lên phiền não mà lui sụt đạo vô gián-giải thoát đã đạt được.

Hỏi: Có thể có lúc không khởi lên Triền, mà lui sụt Vô lậu của Tĩnh lực, không phải là Tịnh chăng?

Đáp: Có, tức là trước đã nói, và lúc Học luyện căn chưa đến phần vị Kiến chí, không khởi lên phiền não mà lui sụt đạo vô gián-giải thoát đã đạt được.

Hỏi: Có thể có lui sụt công đức Vô lậu do bảy địa thâu nhiếp, mà không phải là Tịnh chăng? Đáp: Có, đó là lúc phần ít lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, trở lại khởi lên phẩm Triền đã đoạn của địa ấy mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có chỉ xả bỏ Vô lậu của Tĩnh lực mà đạt được Tịnh-Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có xả bỏ Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lực, chỉ đạt được Vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán khởi lên Triền cõi Vô sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có Vô lậu của Tĩnh lực đạt được cùng lúc với Tịnh, mà



xả bỏ riêng biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được quả A-la-hán, và lúc dựa vào Tĩnh lực đạt được quả Bất hoàn, cùng với lúc người Học luyện căn.

Hỏi: Có thể có Tĩnh của Tĩnh lực đạt được cùng lúc với Vô lậu, mà xả bỏ riêng biệt chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả lìa nhiễm của địa mình, và lúc sinh vào địa trên.

Hỏi: Có thể có Tĩnh-Vô lậu của Tĩnh lực đạt được khác lúc mà xả bỏ cùng lúc chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả lìa nhiễm của địa mình, khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có Tĩnh-Vô lậu của Tĩnh lực đạt được cùng lúc và xả bỏ cùng lúc chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả đã lìa nhiễm của địa dưới, khởi lên Triền của địa dưới mà lui sụt.

Như hỏi về Tĩnh lực, như vậy Vô sắc cũng nên theo đây mà hỏi.

Lại nữa, như trước đã nói về Đẳng chí, sơ lược có hai mươi ba loại, đó là Tĩnh lực có mười hai loại, tức là bốn Vị tương ứng-bốn Tĩnh-bốn Vô lậu; Vô sắc có mười một loại, tức là bốn Vị tương ứng-bốn Tĩnh-ba Vô lậu. Hai mươi ba loại này nếu kiến lập rộng ra thì thành sáu mươi lăm Đẳng chí, đó là hai mươi ba loại trước cộng thêm bốn Vô lượng, bốn Vô ngại giải, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sáu Thông, và sở y của Nguyên trí-Vô tranh.

Hỏi: Sáu mươi lăm loại này, mấy loại chỉ duyên với địa mình, mấy loại chỉ duyên với địa dưới, mấy loại duyên với địa mình và địa dưới, mấy loại duyên với địa mình và địa trên, mấy loại duyên với tất cả các địa?

Đáp: Mười Đẳng chí chỉ duyên với địa mình, đó là tám Vị tương ứng, và Biến xứ của Không-Thức vô biên xứ.

Hai mươi bốn Đẳng chí chỉ duyên với địa dưới, đó là bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, tám Biến xứ trước và Vô tranh; hoặc có người muốn làm cho Vô tranh duyên với cõi Dục-Sắc, thì trừ ra Vô tranh.

Bảy Đẳng chí duyên với địa mình và địa dưới, đó là Pháp vô ngại giải-Từ vô ngại giải và sở y của năm Thông.

Chín Đẳng chí duyên với địa mình và địa trên, đó là Tĩnh-Vô lậu của ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, đây là dựa vào duyên với hữu lậu mà nói.

Mười hai Đẳng chí duyên với tất cả các địa, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tịch lự, Nghĩa vô ngại giải, Biện vô ngại giải, Lậu tận thông và sở y của Nguyên trí. Đây cũng chỉ dựa vào duyên với hữu lậu mà nói. Nếu bao gồm dựa vào duyên với vô lậu mà nói, thì có hai mươi ba Đẳng chí duyên với tất cả các địa, đó chính là mười hai loại trước cộng thêm mười một Vô sắc, đó là Tịnh-Vô lậu của Vô sắc và Giải thoát của Vô sắc.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tịch lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tịch lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tịch lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười sáu loại, đó là Tịnh của Tịch lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, và sở y của năm Thông.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ hai làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bảy loại, đó là Tịnh của Tịch lự thứ hai, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tịch lự thứ nhất.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ ba làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Tịnh của Tịch lự thứ ba, ba Vô lượng, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tịch lự thứ hai.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ tư làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi ba loại, đó là Tịnh của Tịch lự thứ tư, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, sở y của năm Thông, và Tịnh của Tịch lự thứ ba.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Không vô biên xứ, Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, và Tịnh của Tĩnh lự thứ tư.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có năm loại, đó là Tịnh của Thức vô biên xứ, Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của địa ấy, và Tịnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Vô sở hữu xứ, Giải thoát của địa ấy, và Tịnh của Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bốn loại, đó là Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát của địa ấy, và Tịnh của Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có sáu loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có tám loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười một loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ tư và Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba và Không-

Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Đẳng vô gián. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tịch lự thứ ba-thứ tư và Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười hai loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Tịch lự thứ tư và Không vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, Tịnh-Vô lậu của Không-Thức vô biên xứ, tức Giải thoát của địa ấy, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tức Giải thoát của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Đẳng vô gián, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có bảy loại, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tịch lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tịch lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Tịch lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt.

Dựa vào Vô lậu của Tịch lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ nhất làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Vô lậu của Tịch lự thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi hai, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của Tĩnh lự thứ tư-bốn Vô sắc, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có sáu, đó là Vô lậu của ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có tám, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi hai, đó là tám Vị tương ưng-Tịnh của bốn Vô sắc, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Từ vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn, đó là Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của hai xứ ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có mười ba, đó là Tịnh của bốn Tĩnh lự-Không vô biên xứ, ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của bốn Tĩnh lự-

Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ ba làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba mươi tám, đó là tám Vị tương ứng-Tịnh của ba Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Từ vô ngại giải, sở y của Nguyễn trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-Vô sở hữu xứ, và Giải thoát của Vô sở hữu xứ.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có hai mươi tám, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyễn trí-Vô tranh.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư và Không-Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Tha tâm thông-Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có hai mươi ba, đó là tám Vị tương ứng-Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất-Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ, Hỷ vô lượng, bốn Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt.

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự

thứ ba-thứ tư, ba Vô sắc dưới và Biến xứ của Không vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười một, đó là Vô lậu của Tịch lự thứ ba-thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lưu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi lăm, đó là tám Vị tương ứng-Tịnh của Tịch lự thứ nhất-thứ hai-Phi tướng phi phi tướng xứ, bốn Vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyên trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn, đó là Vô lậu của Tịch lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có bảy, đó là Tịnh của Tịch lự thứ tư-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ, Biến xứ của Thức vô biên xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có mười, đó là Vô lậu của Tịch lự thứ tư-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lưu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi bốn, đó là tám Vị tương ứng-Tịnh của Tịch lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyên trí-Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có năm, đó là Vô lậu của bốn Tịch lự, và sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Nhân, loại này có năm, đó là Tịnh của bốn Vô sắc, và Giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân cũng là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Vô lậu của ba Vô sắc, Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lưu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Nhân cũng không phải là Đẳng vô gián, loại này có bốn mươi sáu, đó là tám Vị tương ứng-Tĩnh của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của bốn Thông-Nguyên trí-Vô tranh.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tĩnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lự ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên, mà không phải là Nhân, thì có mười ba loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, sở y của ba Thông-Nguyên trí. Hoặc có người muốn làm cho Vô tranh cũng duyên với cõi Sắc, họ nói là có mười bốn, cộng thêm Vô tranh. Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý. Như Vị tương ứng của Tĩnh lự thứ nhất, Vị tương ứng của Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười lăm loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí, Tĩnh-Vô lậu của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát-Biến xứ của địa ấy.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười tám loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí, Tĩnh-Vô lậu của Không-Thức vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Biến xứ của Thức vô biên xứ.



---

Nếu Đấng chí dùm Vị tương ứng của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùm loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí, Tịnh-Vô lậu của ba Vô sắc dưới, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới.

Nếu Đấng chí dùm Vị tương ứng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Sở duyên, mà không dùm loại ấy làm Nhân, thì có hai mươi hai loại, đó là hai mươi loại trước cộng thêm Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và Giải thoát của địa ấy.

